I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HKII TOÁN 6 (CÁNH DIỀU). NĂM HỌC 2023 – 2024

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Một số yếu tố thống kê và xác suất** (15 tiết)	Mô hình xác suất trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản. Xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.	***Nhận biết:*** – Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.	4 TN			
2	**Phân số và số thập phân** (5 tiết)	Phân số. So sánh phân số.	***Nhận biết:*** – Nhận biết được phân số. – Phân số lớn hơn trong hai phân số cùng mẫu	1 TN 1 TL			
3	**Hình học phẳng** (8 tiết)	Điểm, đường thẳng. Đường thẳng cắt nhau, đường thẳng song song.	***Nhận biết:*** – Ký hiệu thuộc không thuộc đường thẳng - Hai đường thẳng song song với nhau	1 TN 1 TL			
4	**Phân số và số thập phân** (21 tiết)	Phép nhân, phép chia phân số. Số thập phân, các phép tính với số thập phân.	***Nhận biết:*** – Nhận biết được số đối của một phân số. – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. – Phân số tối giản **** Thông hiểu*** – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, với số thập phân. ***Vận dụng***	5 TN	1TL	1TL	1TL

thuvientoanhoc.com

			– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ,nhân chia với số thập phân. ***Vận dụng cao:*** – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn **(phức hợp, không quen thuộc)** gắn với các phép tính về phân số.				
		Tỉ số và tỉ số phần trăm. Các bài toán về phân số.	***Vận dụng*** - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số.			1TL	
5	**Hình học phẳng** (9 tiết)	Đoạn thẳng. Tia. Góc	***Nhận biết:*** - Nhận biết trung điểm của đoạn thẳng **** Thông hiểu:*** - Chỉ ra ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. - Hiểu khái niệm góc, điểm trong của góc	1TN	2TL		
Tổng				14	3	2	1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HKII TOÁN 6 (CÁNH DIỀU). NĂM HỌC 2023 – 2024

TT (1)	**Chủ đề** (2)	**Nội dung/Đơn vị kiến thức** (3)	**Mức độ đánh giá** (4-11)								**Tổng % điểm** (12)
			Nhận biết		**Thông hiểu**		**Vận dụng**		**Vận dụng cao**		
			TNKQ	**TL**	**TNKQ**	**TL**	**TNKQ**	**TL**	**TNKQ**	**TL**	
1	**Một số yếu tố thống kê và xác suất** (15 tiết)	Mô hình xác suất trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản. Xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.	4 (Câu 6, 10, 11, 12)								10%
2	**Phân số và số thập phân** (5 tiết)	Phân số. So sánh phân số.	1 (Câu 2)	1 TL Câu 1a							7.5%
3	**Hình học phẳng**	Điểm, đường thẳng. Đường thẳng cắt nhau,	1 (Câu 8)	1 TL Câu							12.5 %

thuvientoanhoc.com

	(8 tiết)	đường thẳng song song.		3a							
4	**Phân số và số thập phân** (21 tiết)	Phép nhân, phép chia phân số. Số thập phân, các phép tính với số thập phân.	5 (Câu 1, 3, 4, 5, 7)			1 TL Câu 1b		1 TL Câu 1c		1 TL Câu 4	52.5%
		Tỉ số và tỉ số phần trăm. Các bài toán về phân số.						1 TL Câu 2			
5	**Hình học phẳng** (9 tiết)	Đoạn thẳng. Tia. Góc	1 (Câu 9)			2 TL Câu 3b, 3c					17.5%
Tổng			**12**	**2**		**3**		**2**		**1**	**20**
Tỉ lệ %			**30%**	**10%**		**30%**		**20%**		**10%**	
Tỉ lệ chung			**40%**		**30%**		**20%**		**10%**		**100 %**

thuvientoanhoc.com

PHÒNG GD&ĐT HOÀI NHƠN Trường THCS:…… Họ và tên:…… Lớp: 6A…SBD: … Phòng:….	KIỂM TRA HỌC KÌ II Năm học 2023 – 2024 Môn: **TOÁN 6** – Thời gian: 90 phút (*Không kể thời gian giao đề*)	Chữ kí GT1: GT2:	Mã phách

✂ ----------

Điểm		Chữ ký		Mã phách
Bằng số	Bằng chữ	Giám khảo 1	Giám khảo 2	

ĐỀ 1

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời em chọn đúng:

1. Số đối của phân số $\frac{-7}{4}$ là :

   A. $\frac{4}{7}$ B. $\frac{-4}{7}$ C. $\frac{7}{4}$ D. $\frac{-7}{4}$

2. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số là:

   A. $\frac{-3}{2,5}$ B. $\frac{3,12}{2,4}$ C. $\frac{2}{0}$ D. $\frac{2}{-3}$

3. Số đối của 3,15 là:

   A.-1,35 B.-5,13; C.3,15 D. -3,15

4. Viết phân số $\frac{-2024}{10}$ dưới dạng số thập phân ta được:

   A. -20,24 B. -22,04 C. 2,024 D. -202,4

5. Viết số thập phân -0,15 dưới dạng phân số tối giản ta được:

   A. $\frac{1}{5}$. B. $\frac{-1}{5}$. C. $-\frac{3}{20}$. D. $\frac{3}{20}$.

6. Nếu tung đồng xu 20 lần liên tiếp, có 12 lần xuất hiện mặt S. Khi đó xác suất thực nghiệm của mặt N là:

   A. $\frac{2}{5}$ B. $\frac{3}{5}$. C. $\frac{8}{12}$ D. $\frac{4}{5}$.

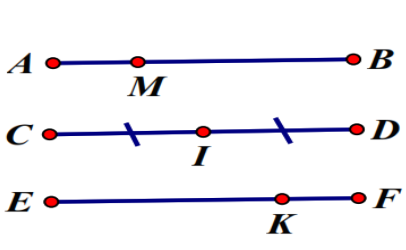
7. Làm tròn số thập phân 23,567 đến hàng phần mười:

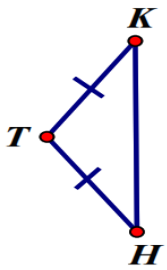
   A.23,56 B.23,6 C.23,57 D. 23,5

8. Điểm M thuộc đường thẳng a thì được kí hiệu là:

   A. M $\in$ a B. M $\subset$ a C. M $\notin$ a D. M = a

9. Cho hình vẽ, chọn đáp án đúng:





   A. M là trung điểm của AB B. I là trung điểm của CD

   C. K là trung điểm của EF D. T là trung điểm của KH

10. Tung một con xúc xắc có sáu mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương 1, 2, 3, 4, 5, 6. Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của con xúc xắc?

    A. 3 B. 6 C. 0 D. 1

thuvientoanhoc.com

Học sinh không ghi vào phần gạch chéo

11. Đồng Một hộp có 10 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 10. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ rút được và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 25 lần rút thẻ liên tiếp, nhận thấy có 4 lần lấy được thẻ đánh số 6. Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 6 là: A. $\frac{2}{25}$ B. $\frac{4}{25}$ C. $\frac{1}{10}$ D. $\frac{6}{25}$

12. Khi tung đồng xu 1 lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt của đồng xu:
A. {N; SN; S} B. {N; N} C. {S; S} D. {S; N}

II. <u>TỰ LUẬN</u> (7,0 điểm)

<u>Bài 1:</u> (2,5đ)

a) So sánh các số sau: $\frac{-3}{5}$ và $\frac{-2}{5}$

b) Tìm x, biết: $(-2{,}25) + x = 7{,}75$

c) Tính nhanh: 0,3 . 0,12 + 0,3 . 0,58 - 0,2 . 0,7

<u>Bài 2:</u> (1,0đ) Ba lớp 6 của một trường THCS có 120 học sinh. Số học sinh lớp 6A chiếm 35% so với học sinh của khối. Số học sinh lớp 6B bằng $\frac{20}{21}$ số học sinh lớp 6A. Còn lại là học sinh lớp 6C. Tính số học sinh của mỗi lớp.

<u>Bài 3:</u> (2,5đ) Trên đường thẳng xy lấy điểm O. Trên tia Ox lấy điểm A sao cho OA = 3cm. Trên tia Oy lấy điểm B sao cho OB = 3cm.

a) Điểm O có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?

b) Tính độ dài đoạn thẳng AB.

c) Vẽ tia Oz sao cho $\widehat{xOz} = 60^0$. So sánh góc $\widehat{xOz}$ và $\widehat{xOy}$

<u>Bài 4:</u> (1,0đ) Tìm số tự nhiên x, biết $\frac{1}{3.5} + \frac{1}{5.7} + \frac{1}{7.9} + \ldots + \frac{1}{x(x+2)} = \frac{11}{75}$

<u>BÀI LÀM</u>:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

thuvientoanhoc.com

PHÒNG GD&ĐT HOÀI NHƠN Trường THCS:…… Họ và tên:…… Lớp: 6A…SBD: … Phòng:….	KIỂM TRA HỌC KÌ II Năm học 2023 – 2024 Môn: **TOÁN 6** – Thời gian: 90 phút (*Không kể thời gian giao đề*)	Chữ kí GT	Mã phách

✂ ----------

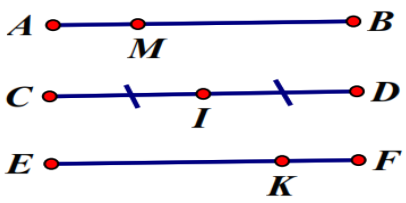
Điểm		Chữ ký		Mã phách
Bằng số	Bằng chữ	Giám khảo 1	Giám khảo 2	

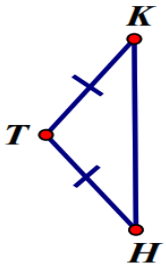
ĐỀ 2

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời em chọn đúng:

1. Làm tròn số thập phân 23,567 đến hàng phần mười:
   A.23,56 B. 23,57 C. 23,6 D. 23,5
2. Điểm M thuộc đường thẳng a thì được kí hiệu là:
   A. M $\subset$ a B. M $\in$ a C. M $\notin$ a D. M = a
3. Cho hình vẽ, chọn đáp án đúng:





   A. M là trung điểm của AB B. T là trung điểm của KH
   C. K là trung điểm của EF D. I là trung điểm của CD
4. Tung một con xúc xắc có sáu mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương 1, 2, 3, 4, 5, 6. Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của con xúc xắc?
   A. 3 B. 0 C. 6 D. 1
5. Đồng Một hộp có 10 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 10. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ rút được và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 25 lần rút thẻ liên tiếp, nhận thấy có 4 lần lấy được thẻ đánh số 6. Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 6 là: A. $\frac{2}{25}$ B. $\frac{1}{10}$ C. $\frac{4}{25}$ D. $\frac{6}{25}$
6. Khi tung đồng xu 1 lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt của đồng xu:
   A. {S; N} B. {N; N} C. {S; S} D. {N; SN; S}
7. Số đối của phân số $\frac{-7}{4}$ là :
   A. $\frac{4}{7}$ B. $\frac{7}{4}$ C. $\frac{-4}{7}$ D. $\frac{-7}{4}$
8. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số là:
   A. $\frac{-3}{2,5}$ B. $\frac{2}{-3}$ C. $\frac{2}{0}$ D. $\frac{3,12}{2,4}$
9. Số đối của 3,15 là:
   A.-1,35 B.-5,13; C.-3,15 D. 3,15
10. Viết phân số $\frac{-2024}{10}$ dưới dạng số thập phân ta được:
    A. -20,24 B. -202,4 C. 2,024 D. -22,04

thuvientoanhoc.com

Học sinh không ghi vào phần gạch chéo

11. Viết số thập phân -0,15 dưới dạng phân số tối giản ta được:

A. $\frac{1}{5}$. B. $-\frac{3}{20}$. C. $\frac{-1}{5}$. D. $\frac{3}{20}$.

12. Nếu tung đồng xu 20 lần liên tiếp, có 12 lần xuất hiện mặt S. Khi đó xác suất thực nghiệm của mặt N là:

A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{2}{5}$. C. $\frac{8}{12}$ D. $\frac{4}{5}$.

II. <u>TỰ LUẬN</u> (7,0 điểm)

<u>Bài 1:</u> (2,5đ)

a) So sánh các số sau: $\frac{-3}{5}$ và $\frac{-2}{5}$

b) Tìm x, biết: $(-2,25) + x = 7,75$

c) Tính nhanh: 0,3 . 0,12 + 0,3 . 0,58 - 0,2 . 0,7

<u>Bài 2:</u> (1,0đ) Ba lớp 6 của một trường THCS có 120 học sinh. Số học sinh lớp 6A chiếm 35% so với học sinh của khối. Số học sinh lớp 6B bằng $\frac{20}{21}$ số học sinh lớp 6A. Còn lại là học sinh lớp 6C. Tính số học sinh của mỗi lớp.

<u>Bài 3:</u> (2,5đ) Trên đường thẳng xy lấy điểm O. Trên tia Ox lấy điểm A sao cho OA = 3cm. Trên tia Oy lấy điểm B sao cho OB = 3cm.

a) Điểm O có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?

b) Tính độ dài đoạn thẳng AB.

c) Vẽ tia Oz sao cho $\widehat{xOz} = 60^0$. So sánh góc $\widehat{xOz}$ và $\widehat{xOy}$

<u>Bài 4:</u> (1,0đ) Tìm số tự nhiên x, biết $\frac{1}{3.5} + \frac{1}{5.7} + \frac{1}{7.9} + \ldots + \frac{1}{x(x+2)} = \frac{11}{75}$

BÀI LÀM:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

thuvientoanhoc.com

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM MÔN TOÁN 6
HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2023-2024

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng ghi 0,25 điểm.

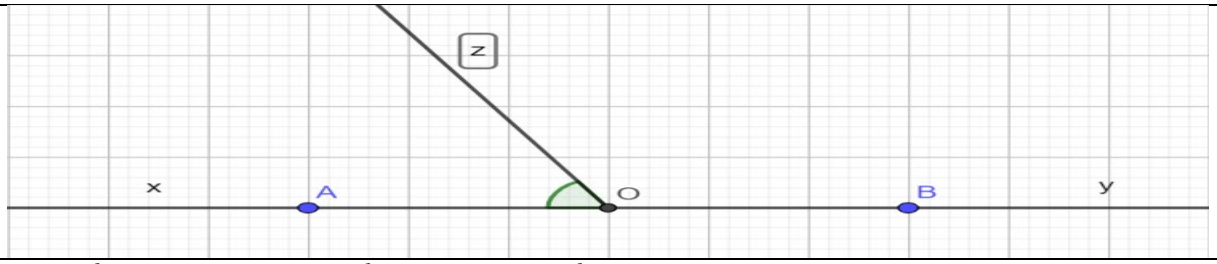
Đề 1:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	D	D	D	C	A	B	A	B	B	B	D

Đề 2:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	D	C	C	A	B	B	C	B	B	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Hướng dẫn chấm	Biểu điểm
Bài 1 (2,5 điểm)	a) Vì: -3 < -2 Nên $\frac{-3}{5} < \frac{-2}{5}$	0,5đ
	b) $(-2,25) + x = 7,75$ $x = 7,63 - (-2,25)$ $x = 7,75 + 2,25$ $x = 10$	0,5đ 0,25đ 0,25đ
	c) 0,3 . 0,12 + 0,3 . 0,58 - 0,2 . 0,7 = 0,3. (0,12 + 0,58) - 0,2 . 0,7 = 0,3 . 0,7 - 0,2 . 0,7 = 0,7 . (0,3 - 0,2) = 0,7 . 0,1 = 0,07	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
Bài 2 (1,0 điểm)	Số học sinh của lớp 6A là: 35%.120 =42 (HS) Số học sinh của lớp 6B là: $\frac{20}{21}.42 = 40$ (HS) Số học sinh của lớp 6C là: 120-(42+40)=38 (HS)	0,25đ 0,25đ 0,5đ
Bài 3 (2,5 điểm)		0,25đ
	a) Điểm O có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?	
	Do Ox và Oy là hai tia đối nhau Mà A∈ Ox, B∈ Oy nên O nằm giữa A và B. Lại có OA = OB = 3cm nên O là trung điểm của đoạn thẳng AB.	0,5đ 0,25đ
	b) Tính độ dài đoạn thẳng AB.	
	Vì điểm O nằm giữa hai điểm A và B Nên AO + OB = AB Tính được AB = 6cm	0,5đ 0,5đ

thuvientoanhoc.com

	c) Vẽ tia Oz sao cho $\widehat{xOz} = 60^0$. So sánh góc $\widehat{xOz}$ và $\widehat{xOy}$	
	Ta có $\widehat{xOz} = 60^0$ $\widehat{xOy} = 180^0$ (là góc bẹt) Nên $\widehat{xOz} < \widehat{xOy}(60^0 < 180^0)$	0,5đ
Bài 4 (1,0 điểm)	$\frac{1}{3.5} + \frac{1}{5.7} + \frac{1}{7.9} + \ldots + \frac{1}{x(x+2)} = \frac{11}{75}$ (1) Ta có công thức: $\frac{2}{n(n+2)} = \frac{1}{n} - \frac{1}{n+2}$ Nhân hai vế của (1) cho 2, ta được: $\frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \frac{2}{7.9} + \ldots + \frac{2}{x(x+2)} = \frac{22}{75}$ $\frac{1}{3} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{7} + \frac{1}{7} - \frac{1}{9} + \ldots + \frac{1}{x} - \frac{1}{x+2} = \frac{22}{75}$ $\frac{1}{3} - \frac{1}{x+2} = \frac{22}{75}$ $\frac{1}{x+2} = \frac{1}{3} - \frac{22}{75}$ $\frac{1}{x+2} = \frac{1}{25}$ $x + 2 = 25$ $x = 23$ Vậy $x = 23$	0,25đ 0.5đ 0,25đ

thuvientoanhoc.com